TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-02-2025
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đáng

2. Ông Trương Văn Mên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Trí là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 13/01/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Công H1 là luật sư của Công ty L - Thuộc Đoàn luật sư tỉnh T có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé H trình bày: Sau một thời gian tìm hiểu quen biết nhau, đến năm 2013 chị và anh Nguyễn Thành Đ xác lập quan hệ hôn nhân đến ngày 01/11/2013 vợ chồng cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh

Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 8/2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vã nhau, không có tiếng nói chung, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không được, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 8/2020 cho đến nay. Trong khoản thời gian không chung sống với nhau thì cũng không ai tạo điều kiện để hàn gắn lại với nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị B Hai yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thành Đ.

- Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bé H. Anh Nguyễn Thành Đ vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Bé H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ. Về con chung không có nên không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu. Bị đơn anh Nguyễn Thành Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Sau một thời gian tìm hiểu quen biết nhau, đến năm 2013 chị Bé H và anh Nguyễn Thành Đ xác lập quan hệ hôn nhân đến ngày 01/11/2013 vợ chồng cùng nhau đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 8/2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vã, không có tiếng nói chung, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không được, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 8/2020 cho đến nay. Trong khoản thời gian sống ly thân thì cũng không ai tạo điều kiện để hàn gắn lại với nhau. Do đó chị Bé H yêu cầu được ly hôn với anh Đ là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bé H. Về con chung: Chị Bé H và anh Đ không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát Viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Thành Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ năm 2020, từ khi ly thân thì cả hai bỏ mặc, không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị B H được ly hôn với anh Đ. Về con chung không có nên không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị Nguyễn Thị Bé H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị Nguyễn Thị Bé H làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Tranh chấp ly hôn*" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thành Đ là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, anh Nguyễn Thành Đ vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thành Đ.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Thành Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Bé H thì chị và anh Nguyễn Thành Đ sau một thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên anh chị tiến đến hôn nhân và kết hôn vào tháng 11/2013 vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2020 thì sống ly thân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào lời trình bày của chị B H cùng với việc trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Thành Đ để hòa giải nhằm làm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng để tìm giải pháp cho hai bên hàn gắn, đoàn tụ lại với nhau nhưng anh Nguyễn Thành Đ đều vắng mặt, không nhận văn bản tố tụng của Tòa án và cũng không có ý kiến hay văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bé H. Chứng tỏ anh Nguyễn Thành Đ không có ý chí muốn đoàn tụ với chị Bé H. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân thì chị Bé H và anh Đ không tạo điều kiện cho

nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bé H và anh Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Bé H xin ly hôn là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung:* Chị Bé H và anh Đ không có con chung.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị Nguyễn Thị Bé H không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Bé H phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[6]. Xét ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bé H được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé H và anh Nguyễn Thành Đ không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị Bé H không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Bé H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011285, ngày 09/9/2024 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Nguyễn Thị Bé H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã Hiệp Mỹ Đông, huyện Cầu Ngang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Trần Ngọc Hùng Anh